

NGHỊ QUYẾT

Về quy định vùng nuôi chim yến trên địa bàn tỉnh Quảng Nam

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NAM
KHÓA X, KỲ HỌP THỨ BA**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Chăn nuôi ngày 19 tháng 11 năm 2018;

Căn cứ Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật; Nghị định số 154/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật;

Căn cứ Nghị định số 13/2020/NĐ-CP ngày 21 tháng 01 năm 2020 của Chính phủ hướng dẫn chi tiết Luật Chăn nuôi;

Xét Tờ trình số 6102/TTr-UBND ngày 14 tháng 9 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc đề nghị xem xét thông qua và ban hành Nghị quyết quy định vùng nuôi chim yến trên địa bàn tỉnh Quảng Nam; Báo cáo thẩm tra số 137/BC-HĐND ngày 23 tháng 9 năm 2021 của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết này quy định vùng nuôi chim yến trên địa bàn tỉnh Quảng Nam.

2. Đối tượng áp dụng

Các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước có liên quan đến hoạt động nuôi chim yến trên địa bàn tỉnh Quảng Nam.

Điều 2. Giải thích từ ngữ

Trong Nghị quyết này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. *Nhà yến* là công trình xây dựng mới hoặc cải tạo để nuôi chim yến.
2. *Loa phóng* là thiết bị phát âm thanh để dẫn dụ chim yến, được đặt ở ngoài cửa lối ra, vào của chim yến.
3. *Khu dân cư* là nơi tập hợp người dân, hộ gia đình cư trú tập trung trong phạm vi một khu vực nhất định; bao gồm khu dân cư hiện hữu và khu vực đất thuộc dự án nhà ở nằm trong chương trình phát triển nhà ở được cấp có thẩm quyền phê duyệt.
4. *Công trình công cộng* là công trình giáo dục, đào tạo, nghiên cứu; công trình y tế; công trình thương mại; công trình trụ sở, văn phòng làm việc; công trình dịch vụ được quy định tại các điểm a, b, e, h, tiết (-) thứ nhất điểm g khoản 2 mục I phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định số 06/2021/NĐ-CP ngày 26 tháng 01 năm 2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng; bao gồm công trình công cộng hiện hữu và công trình công cộng đã được cấp thẩm quyền phê duyệt quy hoạch xây dựng. Công trình công cộng cụ thể bao gồm:
 - a) Công trình giáo dục, đào tạo, nghiên cứu bao gồm: Một công trình độc lập, một tổ hợp các công trình sử dụng cho mục đích giáo dục, đào tạo, nghiên cứu trong các cơ sở sau: Nhà trẻ, trường mẫu giáo; trường tiểu học, trường trung học cơ sở, trung học phổ thông, trường có nhiều cấp học; trường đại học và cao đẳng, trường trung học chuyên nghiệp; trường dạy nghề, trường công nhân kỹ thuật, trường nghiệp vụ và các loại trường hoặc trung tâm đào tạo khác; trạm khí tượng thủy văn, trạm nghiên cứu địa chấn, cơ sở nghiên cứu vũ trụ; các trung tâm cơ sở dữ liệu chuyên ngành và các cơ sở nghiên cứu chuyên ngành khác.
 - b) Công trình y tế bao gồm: Một công trình độc lập, một tổ hợp các công trình sử dụng cho mục đích khám chữa bệnh trong các cơ sở sau: Bệnh viện, phòng khám (đa khoa hoặc chuyên khoa); trạm y tế; nhà hộ sinh, điều dưỡng, phục hồi chức năng, chỉnh hình, dưỡng lão; cơ sở phòng chống dịch bệnh; cơ sở nghiên cứu, thí nghiệm chuyên ngành y tế; các cơ sở y tế khác.
 - c) Công trình thương mại bao gồm: Trung tâm thương mại, siêu thị, chợ, cửa hàng; nhà hàng, cửa hàng ăn uống, giải khát và các công trình thương mại khác.
 - d) Công trình trụ sở, văn phòng làm việc bao gồm: Các tòa nhà sử dụng làm trụ sở, văn phòng làm việc của cơ quan nhà nước và tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội; các tòa nhà sử dụng làm trụ sở, văn phòng làm việc của các tổ chức xã hội - nghề nghiệp, đơn vị sự nghiệp, doanh nghiệp và các tổ chức, cá nhân khác; các tòa nhà sử dụng làm văn phòng kết hợp lưu trú.
 - đ) Công trình dịch vụ bao gồm: Khách sạn, nhà khách, nhà nghỉ; cơ sở nghỉ dưỡng; biệt thự lưu trú, căn hộ lưu trú và các cơ sở dịch vụ lưu trú khác.

5. Khoảng cách từ nhà yến đến khu dân cư, công trình công cộng được tính là độ dài đường thẳng ngắn nhất nối từ mép ngoài nhà yến đến ranh giới đất ở của hộ dân trong khu dân cư, ranh giới đất công trình công cộng hoặc đến ranh giới đất thuộc dự án nhà ở nằm trong chương trình phát triển nhà ở được cấp có thẩm quyền phê duyệt, ranh giới đất công trình công cộng đã được cấp thẩm quyền phê duyệt quy hoạch xây dựng.

Điều 3. Quy định vùng nuôi chim yến

Vùng nuôi chim yến là vùng nằm ngoài khu vực quy hoạch đất quốc phòng, đất khu công nghiệp, đất cụm công nghiệp đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt; đồng thời, đảm bảo khoảng cách từ nhà yến đến khu dân cư, công trình công cộng tối thiểu 300 mét.

Điều 4. Xử lý vi phạm

1. Đối tượng thuộc khoản 2 Điều 1 Nghị quyết này vi phạm quy định về hoạt động nuôi chim yến bị xử lý theo Nghị định số 14/2021/NĐ-CP ngày 01 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong chăn nuôi và các quy định pháp luật khác có liên quan.

2. Cơ quan chức năng thanh tra, kiểm tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo, xử lý vi phạm pháp luật về hoạt động nuôi chim yến trên địa bàn từng cấp theo thẩm quyền.

Điều 5. Quy định chuyển tiếp

Nhà yến đã hoạt động trước ngày Nghị quyết này có hiệu lực nhưng không đáp ứng quy định tại Điều 3 Nghị quyết này phải giữ nguyên trạng, không được coi nói, không được sử dụng loa phóng phát âm thanh.

Điều 6. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện một số nội dung sau:

a) Tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết này.

b) Tăng cường chỉ đạo quản lý hoạt động nuôi chim yến trên địa bàn tỉnh; có giải pháp tuyên truyền, hướng dẫn, quản lý chặt chẽ đối với những nhà yến đã hình thành trước ngày nghị quyết quy định vùng nuôi chim yến có hiệu lực thi hành và các nhà yến xây dựng mới.

c) Trong quá trình thực hiện, thường xuyên rà soát, báo cáo trình Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét sửa đổi, bổ sung các vùng nuôi chim yến cho phù hợp với tình hình thực tế tại địa phương.

d) Định kỳ hằng năm sơ kết, đánh giá kết quả thực hiện quy định vùng nuôi chim yến trên địa bàn tỉnh.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân, Tổ đại biểu và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

3. Trường hợp các văn bản dẫn chiếu tại Nghị quyết này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế thì áp dụng theo văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế đó.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Nam khóa X, kỳ họp thứ ba thông qua ngày 29 tháng 9 năm 2021 và có hiệu lực từ ngày 11 tháng 10 năm 2021./.

Nơi nhận:

- UBND tỉnh;
- VP: QH, CTN, CP;
- Ban CTĐB-UBND;
- Bộ Nông nghiệp và PTNT;
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL - Bộ Tư pháp;
- Ban TVTU, TT HĐND, UBND tỉnh;
- UBMTTQVN, Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Các Ban của HĐND tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- VP: Tỉnh ủy, UBND;
- Sở, ban, ngành, đoàn thể thuộc tỉnh;
- TT.HĐND, UBND các huyện, thị xã, tp;
- TTXVN tại Quảng Nam;
- Báo Quảng Nam, Đài PT-TH tỉnh;
- Cổng Thông tin điện tử tỉnh;
- VP Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh;
- Lưu: VT, CTĐB (Châu).

CHỦ TỊCH